

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Văng Thảo Hiền và ông Lưu Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/HSST-QĐ ngày 19/3/2025 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh ngày 02/04/1989, tại thị xã T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 25/11/2022, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2024; tiền sự: chưa;

Nhân thân: Ngày 27/01/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/8/2015. Ngày 18/12/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2016. Ngày 25/5/2019, bị Trưởng Công an phường L, thị xã T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã hết thời hiệu). Ngày 26/7/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng; chấp hành xong ngày 15/12/2020. Ngày 18/7/2021, bị Trưởng Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản;

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2024 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 2005; nơi cư trú: tổ H, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Hồ Thị N1, bà Phạm Thị Mỹ C1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 26/10/2024, Lê Văn N nhờ bạn tên Tâm T (không rõ họ, địa chỉ) điều khiển xe mô tô của Tâm T (chưa xác định biển số xe) chở N từ thành phố C tìm người quen tại khu vực đường dẫn cầu T, thị xã T. Khi đi ngang quán trà sữa Nhà shyn thuộc khu vực ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, N kêu Tâm T dừng lại để vào bên trong mua nước. Khi này, N quan sát thấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 của Lê Thị Kim C đang ghim sạc. Lợi dụng nhà vắng người, N đi đến lấy trộm điện thoại cất giấu túi quần, đi ra xe, kêu Tâm T chở về nhà của N thuộc khóm L, phường L, thị xã T. Sau đó, N đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại di động “Phước” ở ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang bán được 1.300.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Khi mua điện thoại, P không biết do trộm cắp mà có. Sau khi bị hại mất trộm, trình báo Công an mời N làm việc thì khai nhận hành vi phạm tội.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu xanh (đã trả cho bị hại); 01 áo thun ngắn tay, màu xanh; 01 quần lửng, màu xám; 01 áo khoác màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, trắng, đen; 01 đôi dép màu trắng, đen.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 966/KL-HĐĐG.TTHS ngày 30/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu xanh, trị giá 2.200.000 đồng.

Ngày 30/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố Lê Văn N để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 99/CT-VKSTC ngày 13 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như

Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng do bị cáo không nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không đề cập giải quyết. Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho ông P số tiền 1.300.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy trang phục thu giữ của bị cáo bao gồm: 01 áo thun ngắn tay, 01 quần lửng, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm và 01 đôi dép.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận, vào khoảng 12 giờ ngày 26/10/2024, bị cáo Lê Văn N lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 của Lê Thị Kim C đang ghim sạc trong Quán trà sữa Nhà shyn thuộc khu vực ấp T, xã T, thị xã T rồi nhờ người tên T1 T chở về nhà của bị cáo. Sau đó, bị cáo mang điện thoại chiếm đoạt được đến Cửa hàng điện thoại di động “Phước” bán cho ông Nguyễn Ngọc P với số tiền 1.300.000 đồng, rồi tiêu xài hết số tiền có được.

Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu xanh, trị giá 2.200.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà C trị giá 2.200.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 25/11/2022; chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2024, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu do ngoài tiền án, bị cáo còn 02 lần bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 27/01/2015 và xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 18/12/2015; bị Trưởng Công an phường L, thị xã T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 25/5/2019; bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào ngày 26/7/2019 với thời hạn 20 tháng; bị Trưởng Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 18/7/2021. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có liên quan đến vụ án, ông Nguyễn Ngọc P mua điện thoại di động bị chiếm đoạt từ bị cáo nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông P là phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo khai được người tên T1 T chở bị cáo đến quán trà sữa Nhà shyn và chở bị cáo về nhưng chưa xác định được họ tên, địa chỉ của người này. Cho nên,

Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho bà Lê Thị Kim C 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

01 áo thun ngắn tay, 01 quần lửng, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm và 01 đôi dép bị thu giữ là trang phục được bị cáo sử dụng khi thực hiện tội phạm nên là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội. Do các vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại không yêu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc P yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 1.300.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại di động bị chiếm đoạt từ bị cáo là phù hợp với quy định tại các Điều 123, 131 và 407 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc bị cáo hoàn trả cho ông P số tiền 1.300.000 đồng.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Lê Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 30/10/2024 (*ngày ba mươi, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn*).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 123, 131 và 407 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Văn N hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền 1.300.000 (*một triệu, ba trăm nghìn*) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cái mũ bảo hiểm màu xanh - trắng - đen, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép, loại dép quay ngang, màu trắng - đen, đã qua sử

dụng; 01 (một) cái áo khoác màu đen, có kẻ viền màu vàng - trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo thun ngắn tay, màu xanh - đen, đã qua sử dụng; 01 (một) cái quần, loại quần lửng, màu xám, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 22/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Kim C, ông Nguyễn Ngọc P là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Tân Châu;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Phân Trại tạm giam khu vực T;
- CQĐT Công an tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình